

TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí giao đợt này	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
1	2	3=4+5	4	5
	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	22.999.524	0	22.999.524
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (340-341)	22.999.524	0	22.999.524
1	Văn phòng Bộ Xây dựng	12.748.315		12.748.315
2	Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng	10.251.209		10.251.209

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị: Văn phòng Bộ Xây dựng

Mã số NS: 1057059 Kho bạc: 0011

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	12.748.315
	Quản lý nhà nước (340-341)	12.748.315
-	<i>Kinh phí tự chủ</i>	
-	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	12.748.315
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	12.748.315

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị: Cục Kinh tế - Quản lý Đầu tư xây dựng

Mã QHNS 1126122 Mã kho bạc 0014

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	10.251.209
	Quản lý nhà nước (340-341)	10.251.209
-	<i>Kinh phí tự chủ</i>	
-	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	<i>10.251.209</i>
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	10.251.209

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CHI TRẢ CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Họ tên	Kinh phí phải chi trả (1000đ)	Quyết định phê duyệt	Giao đợt này (1000đ)
	Tổng cộng giao đợt này	25.214.571		22.999.524
	Cộng QĐ 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	13.565.724		12.748.315
I	VĂN PHÒNG BỘ XÂY DỰNG	12.748.315		12.748.315
	<i>Thanh tra Bộ</i>			
1	Lê Văn Doãn	1.583.701	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	1.583.701
2	Nguyễn Thị Thanh Hiền	2.462.204	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	2.462.204
3	Nguyễn Văn Tùng	1.672.954	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	1.672.954
4	Chu Mai Hùng	380.257	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	380.257
	<i>Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường</i>			
5	Nguyễn Văn Bảo	1.277.049	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	1.277.049
	<i>Vụ Vận tải và An toàn giao thông</i>			
6	Nguyễn Xuân Cường	2.394.522	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	2.394.522
7	Nguyễn Xuân Thủy	2.093.569	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	2.093.569
	Văn phòng Ban cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải			
8	Trần Đức Minh	884.059	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025	884.059
II	KHỐI SỰ NGHIỆP	817.409		0
	<i>Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng</i>			
9	Vũ Thanh Phương	817.409	QĐ số 769/QĐ-BXD ngày 06/6/2025 (chưa được giao đợt này do Bộ TC chưa cấp kinh phí)	
	Cộng QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	11.648.847		10.251.209
II	Cục Kinh tế - Quản lý ĐTXD	11.648.847		10.251.209
10	Ngô Hoàng Nguyên	1.397.638	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025 (chưa giao đợt này do Cục phê duyệt sai thẩm quyền)	
11	Nguyễn Thanh Tịnh	37.206	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	37.206
12	Phạm Đình Thiện	94.279	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	94.279

STT	Họ tên	Kinh phí phải chi trả (1000đ)	Quyết định phê duyệt	Giao đợt này (1000đ)
13	Nguyễn Sĩ Tấn	1.414.771	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	1.414.771
14	Nguyễn Văn Xuất	542.360	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	542.360
15	Vũ Thị An Minh	1.481.981	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	1.481.981
16	Trần Minh Tuấn	1.210.511	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	1.210.511
17	Nguyễn Hồng Hải	1.867.978	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	1.867.978
18	Trần Ngọc Ánh	1.804.491	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	1.804.491
19	Phùng Hưng	1.797.632	QĐ số 53/QĐ-KTQLXD ngày 06/6/2025	1.797.632